

Số: 19 /KH-UBND

Cà Mau, ngày 09 tháng 4 năm 2015

KẾ HOẠCH

Thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Cà Mau năm 2015 và đến năm 2020

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Kế hoạch thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Cà Mau năm 2015 và đến năm 2020, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Tăng cường mức độ, phạm vi cung cấp thông tin dịch vụ công trực tuyến trên hệ thống Cổng Thông tin điện tử của tỉnh nhằm minh bạch hóa các hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ tốt hơn yêu cầu của người dân và doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo điều kiện để triển khai hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Năm 2015 bảo đảm cung cấp 13% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên tổng số thủ tục hành chính đã được công bố. Trong đó, ưu tiên cung cấp các dịch vụ theo Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 và có ít nhất 05 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Các ngành, các cấp cần xác định danh mục thủ tục hành chính công ở các cơ quan nhà nước để lựa chọn mức độ ưu tiên cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Đảm bảo đến năm 2020 có 100% thủ tục được cung cấp dịch vụ công mức độ 3 và 20% thủ tục được cung cấp dịch vụ công mức độ 4.

II. NỘI DUNG

1. Số liệu chung về thủ tục hành chính

- Tổng số đơn vị huyện, thành phố: 09.
- Tổng số xã, phường, thị trấn: 101.
- Tổng số thủ tục hành chính: 1.701.

Trong đó:

- + Số thủ tục hành chính cấp tỉnh: 1.294.
- + Số thủ tục hành chính cấp huyện, thành phố: 230.
- + Số thủ tục hành chính cấp xã, phường, thị trấn: 177.

- Tổng số thủ tục hành chính dự kiến cung cấp ở mức độ 3, 4 đến 2015: 220 TTHC, trong đó: 215 TTHC cung cấp mức độ 3, 05 TTHC cung cấp mức độ 4.

- Tổng số thủ tục hành chính dự kiến cung cấp ở mức độ 3, 4 đến 2020: 100% TTHC cung cấp mức độ 3; 20% TTHC cung cấp mức độ 4.

2. Danh mục thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong năm 2015 (có phụ lục kèm theo).

3. Định hướng đến năm 2020

100% TTHC triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân, doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

Căn cứ vào tình hình thực tế, hàng năm Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện lộ trình đến năm 2020.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp hành chính

- Xây dựng, ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng dịch vụ hành chính công trực tuyến, trong giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Hàng năm trong quá trình ban hành Kế hoạch cải cách hành chính, phải gắn liền với hiện đại hóa nền hành chính, trong đó xác định phát triển hạ tầng công nghệ thông tin là nền tảng để triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Trong đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị nhà nước cần chú trọng tiêu chí khai thác hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến do cơ quan, đơn vị quản lý.

2. Giải pháp kỹ thuật, công nghệ

- Giải pháp kỹ thuật - công nghệ áp dụng trên cơ sở lựa chọn giải pháp tổng thể đã được kiểm chứng hoặc phát triển mới và tích hợp được với Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các Trang Thông tin điện tử thành phần.

- Việc lựa chọn giải pháp kỹ thuật công nghệ cần phải xem xét đến yêu cầu phải phù hợp với trình độ và quy mô của nguồn nhân lực sẽ vận hành hệ thống sau xây dựng, triển khai.

3. Giải pháp nhân lực

- Tổ chức, cơ cấu nhân sự chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị nhà nước, đồng thời có chính sách ưu đãi, hỗ trợ nhằm ổn định nguồn lực công nghệ thông tin làm việc lâu dài trong các cơ quan, đơn vị nhà nước.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, đảm bảo đủ năng lực để tiếp nhận, vận hành và phát triển các hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Đào tạo kỹ năng sử dụng chuyên sâu cho cán bộ xử lý hồ sơ trực tuyến.

4. Giải pháp nâng cao nhận thức, thu hút người sử dụng

- Tăng cường tuyên truyền và nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức về tầm quan trọng và ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính và trong hoạt động quản lý nhà nước.

- Các cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ công trực tuyến tăng cường tuyên truyền, quảng bá đến người dân, doanh nghiệp hiểu lợi ích của việc tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh mở chuyên mục tuyên truyền, giới thiệu thường xuyên để người dân biết và hình thành thói quen sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời theo dõi, giám sát, phản ánh kịp thời hoạt động của các cơ quan nhà nước thông qua hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

5. Giải pháp tài chính

- Sử dụng ngân sách địa phương (nguồn chi sự nghiệp khoa học công nghệ) để thực hiện các chương trình, dự án phục vụ triển khai cung cấp các dịch vụ công trực tuyến theo lộ trình và theo kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm được phê duyệt.

- Tranh thủ nguồn vốn từ Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tham mưu ban hành các quy định, hướng dẫn làm căn cứ pháp lý để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch này; hỗ trợ phương án, mô hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách cho việc duy trì, vận hành các hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Đào tạo, tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ các cơ quan nhà nước; tổ chức tuyên truyền, phổ biến bằng nhiều hình thức phù hợp để tổ chức, cá nhân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp nhận phản hồi của cá nhân, tổ chức về chất lượng dịch vụ công trực tuyến; báo cáo, đánh giá gửi Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ thực hiện lộ trình hàng năm.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất và thực hiện phương án kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của tỉnh, bảo đảm đáp ứng nguồn lực để thực hiện Kế hoạch.

- Trong tham mưu các kế hoạch cải cách hành chính phải gắn liền với phát triển cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tổ chức đánh giá thực hiện cải cách hành chính hàng năm phải theo dõi, kiểm tra việc thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại cơ quan, đơn vị.

- Tham mưu ban hành quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên thông để áp dụng thống nhất trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn, tạo điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên thông trên Cổng Thông tin điện tử.

- Tham mưu ban hành các quy định về việc xét thi đua khen thưởng hàng năm gắn với việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị.

3. Sở Tài chính

- Ưu tiên bố trí ngân sách cho các chương trình, dự án cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các dự án hỗ trợ thực hiện lộ trình. Cân đối, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến khác được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương.

- Chủ trì, tham mưu ban hành quy định về phí và lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tuyến, quy định mức chi duy trì hoạt động của các hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại địa phương.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối tổng hợp các nguồn lực trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của tỉnh cho các dự án cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo lộ trình.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các sở, ban, ngành có liên quan

- Căn cứ vào lộ trình cung cấp dịch vụ hành chính công trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh để chủ động bố trí trang thiết bị, nhân lực công nghệ thông tin, đào tạo cán bộ, công chức để đáp ứng việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến đúng lộ trình đề ra.

- Xây dựng quy định, quy chế về khai thác và sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại đơn vị mình.

- Tuyên truyền, phổ biến để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến do cơ quan, đơn vị mình quản lý.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do cơ quan, đơn vị quản lý.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Cà Mau năm 2015 và đến năm 2020, yêu cầu các ngành, địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử;
- TT Công báo - Tin học;
- LĐVP (H.Hùng);
- P.VHXH(T);
- Lưu: VT, Mi10.

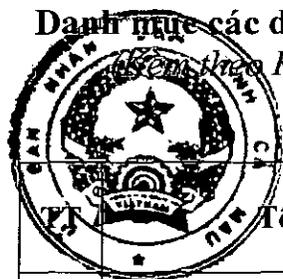
**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Thân Đức Hưởng

PHỤ LỤC

Danh mục các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cung cấp trong năm 2015



*theo Kế hoạch số: 19 /KH-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau)*

| | Tên DVCTT | Mức DVCTT | Cấp dịch vụ | Cơ quan chủ trì xử lý | Cơ quan đồng xử lý |
|----------|--|-----------|-------------|-----------------------|--------------------|
| A | Cấp Sở | | | | |
| 1 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |
| 2 | Điều chỉnh, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |
| 3 | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |
| 4 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu (cho cửa hàng, trạm bán lẻ xăng dầu) | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |
| 6 | Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu (cho cửa hàng, trạm bán lẻ xăng dầu) | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |
| 7 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu (cho cửa hàng, trạm bán lẻ xăng dầu) | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |
| 8 | Cấp giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) rượu | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |
| 9 | Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |
| 10 | Sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |
| 11 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |
| 12 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |
| 13 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |



| TT | Tên DVCTT | Mức DVC TT | Cấp dịch vụ | Cơ quan chủ trì xử lý | Cơ quan đồng xử lý |
|----|--|------------|-------------|------------------------------|--------------------|
| | Đăng ký tổ chức hội trợ, triển lãm thương mại | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |
| | Thay đổi bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại | 3 | Tỉnh | Sở Công thương | |
| 16 | Thẩm định cấp phép quy hoạch | 3 | Tỉnh | Sở Xây dựng | |
| 17 | Cung cấp thông tin quy hoạch | 3 | Tỉnh | Sở Xây dựng | |
| 18 | Cấp giấy phép xây dựng công trình, nhà ở theo phân cấp của UBND tỉnh | 3 | Tỉnh | Sở Xây dựng | |
| 19 | Cấp giấy phép xây dựng tạm | 3 | Tỉnh | Sở Xây dựng | |
| 20 | Điều chỉnh giấy phép xây dựng | 3 | Tỉnh | Sở Xây dựng | |
| 21 | Gia hạn giấy phép xây dựng | 3 | Tỉnh | Sở Xây dựng | |
| 22 | Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng | 3 | Tỉnh | Sở Xây dựng | |
| 23 | Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng | 3 | Tỉnh | Sở Xây dựng | |
| 24 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng | 3 | Tỉnh | Sở Xây dựng | |
| 25 | Cấp bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng | 3 | Tỉnh | Sở Xây dựng | |
| 26 | Cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng | 3 | Tỉnh | Sở Xây dựng | |
| 27 | Cấp chứng chỉ môi giới bất động sản | 3 | Tỉnh | Sở Xây dựng | |
| 28 | Cấp chứng chỉ định giá bất động sản | 3 | Tỉnh | Sở Xây dựng | |
| 29 | Cấp lại chứng chỉ định giá, chứng chỉ môi giới bất động sản | 3 | Tỉnh | Sở Xây dựng | |
| 30 | Cấp giấy chứng nhận sử dụng máy photocopy màu | 3 | Tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 31 | Cấp giấy phép lắp đặt và sử dụng thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (TVRO) | 3 | Tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 32 | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân của địa phương; chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc của cơ quan, tổ chức của Trung ương tại địa phương | 3 | Tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 33 | Cấp giấy phép xuất bản bản tin trong nước | 3 | Tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 34 | Cho phép hợp báo | 3 | Tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | |



| | Tên DVCTT | Mức DVC TT | Cấp dịch vụ | Cơ quan chủ trì xử lý | Cơ quan đồng xử lý |
|----|---|------------|-------------|------------------------------|--------------------|
| | Thẩm định hồ sơ trình Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp | 3 | Tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 36 | Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh | 4 | Tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 37 | Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh cho cơ quan, tổ chức thuộc địa phương, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức của Trung ương tại địa phương | 3 | Tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 38 | Cấp giấy phép in xuất bản phẩm | 3 | Tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 39 | Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với cơ sở in ở địa phương | 3 | Tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 40 | Cấp giấy xác nhận đăng ký vàng mã | 3 | Tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 41 | Thẩm định hồ sơ cấp thẻ nhà báo | 3 | Tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 42 | Xác nhận thông báo kinh doanh dịch vụ chuyển phát | 4 | Tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 43 | Cấp giấy phép cung ứng dịch vụ chuyển phát thư (dịch vụ chuyển phát thư trong phạm vi nội tỉnh) | 3 | Tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 44 | Cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách | 3 | Tỉnh | Sở Tài chính | |
| 45 | Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn chuẩn bị đầu tư | 3 | Tỉnh | Sở Tài chính | |
| 46 | Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn thực hiện đầu tư | 3 | Tỉnh | Sở Tài chính | |
| 47 | Cấp chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật | 3 | Tỉnh | Chi cục Bảo vệ thực vật | |
| 48 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật | 3 | Tỉnh | Chi cục Bảo vệ thực vật | |
| 49 | Cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y | 3 | Tỉnh | Chi cục Thú y | |



| | Tên DVCTT | Mức DVC TT | Cấp dịch vụ | Cơ quan chủ trì xử lý | Cơ quan đồng xử lý |
|----|---|------------|-------------|--|--------------------|
| 50 | Gia hạn chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực thú y: - Tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ động vật; - Kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y; - Xét nghiệm, phẫu thuật động vật; - Tư vấn, dịch vụ kỹ thuật về thú y. | 3 | Tỉnh | Chi cục Thú y | |
| 51 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời | 3 | Tỉnh | Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản | |
| 52 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá | 3 | Tỉnh | Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản | |
| 53 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá cải hoán | 3 | Tỉnh | Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản | |
| 54 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu | 4 | Tỉnh | Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản | |
| 55 | Đăng ký thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá | 3 | Tỉnh | Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản | |
| 56 | Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá | 3 | Tỉnh | Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản | |
| 57 | Cấp giấy phép khai thác thủy sản | 3 | Tỉnh | Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản | |
| 58 | Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản | 3 | Tỉnh | Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản | |
| 59 | Gia hạn giấy phép khai thác thủy sản | 3 | Tỉnh | Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản | |
| 60 | Cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả; sản xuất, chế biến chè | 3 | Tỉnh | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | |
| 61 | Cấp lại chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả; sản xuất, chế biến chè | 3 | Tỉnh | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | |
| 62 | Cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 63 | Cấp phiếu lý lịch tư pháp số 2 | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |



| | Tên DVCTT | Mức DVC TT | Cấp dịch vụ | Cơ quan chủ trì xử lý | Cơ quan đồng xử lý |
|----|---|------------|-------------|-----------------------|--------------------|
| | Cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 qua ủy quyền | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| | Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch có yếu tố nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 66 | Xác định lại giới tính có yếu tố nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 67 | Xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 68 | Bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch có yếu tố nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 69 | Cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng luật sư | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 70 | Cấp giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 71 | Đăng ký thay đổi nội dung Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 72 | Cấp lại giấy đăng ký hoạt động do thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 73 | Tạm ngừng hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 74 | Châm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 75 | Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 76 | Cấp Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 77 | Cấp lại bản chính giấy khai sinh có yếu tố nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 78 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 79 | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 80 | Đăng ký chấm dứt, thay đổi giám hộ có yếu tố nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 81 | Cấp bản sao các giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch có yếu tố nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 82 | Đăng ký lại việc sinh có yếu tố nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Tư pháp | |
| 83 | Đổi GPLX do ngành Công an cấp | 3 | Tỉnh | Sở Giao thông vận tải | |
| 84 | Đổi GPLX của ngành Giao thông vận tải cấp | 3 | Tỉnh | Sở Giao thông vận tải | |



| | Tên DVCTT | Mức DVC TT | Cấp dịch vụ | Cơ quan chủ trì xử lý | Cơ quan đồng xử lý |
|-----|---|------------|-------------|-----------------------|--------------------|
| | Đổi GPLX đối với giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của người nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Giao thông vận tải | |
| | Đổi GPLX Quân sự do Bộ Quốc phòng cấp | 3 | Tỉnh | Sở Giao thông vận tải | |
| 87 | Bổ sung, thay thế xe khai thác tuyến vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định trong trường hợp làm tăng tăng suất chạy xe | 3 | Tỉnh | Sở Giao thông vận tải | |
| 88 | Cấp, đổi phù hiệu, biển hiệu | 3 | Tỉnh | Sở Giao thông vận tải | |
| 89 | Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là cá nhân) | 4 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 90 | Đăng ký hoạt động chi nhánh đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là cá nhân) | 4 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 91 | Đăng ký hoạt động văn phòng đại diện đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là cá nhân) | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 92 | Đăng ký hoạt động chi nhánh đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức) | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 93 | Đăng ký hoạt động văn phòng đại diện đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức) | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 94 | Đăng ký hoạt động văn phòng đại diện đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 95 | Đăng ký hoạt động chi nhánh đối với công ty cổ phần | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 96 | Đăng ký hoạt động văn phòng đại diện đối với công ty cổ phần | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 97 | Đăng ký hoạt động chi nhánh đối với công ty hợp danh | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 98 | Đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện đối với công ty hợp danh | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 99 | Đăng ký hoạt động chi nhánh đối với doanh nghiệp tư nhân | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 100 | Đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện đối với doanh nghiệp tư nhân | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |



| | Tên DVCTT | Mức DVC TT | Cấp dịch vụ | Cơ quan chủ trì xử lý | Cơ quan đồng xử lý |
|-----|---|------------|-------------|-------------------------|--------------------|
| | Thông báo thay đổi ngành, nghề đăng ký kinh doanh doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là cá nhân) | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 102 | Thông báo tạm ngừng kinh doanh đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là cá nhân) | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 103 | Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do mất, cháy... đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là cá nhân) | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 104 | Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước không đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Áp dụng cho nhà đầu tư trong nước có dự án đầu tư dưới 15 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 105 | Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Áp dụng cho nhà đầu tư trong nước có dự án đầu tư từ 15 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 106 | Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước gắn với thành lập chi nhánh (Áp dụng cho dự án đầu tư trong nước có dự án đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 107 | Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước gắn với thành lập doanh nghiệp (Áp dụng cho dự án đầu tư trong nước có dự án đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 108 | Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư | 3 | Tỉnh | Sở KH&ĐT | Cục thuế |
| 109 | Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư | 3 | Tỉnh | Ban Quản lý khu kinh tế | |
| 110 | Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư | 3 | Tỉnh | Ban Quản lý khu kinh tế | |
| 111 | Tạm ngừng thực hiện dự án đầu tư | 3 | Tỉnh | Ban Quản lý khu kinh tế | |



| | Tên DVCTT | Mức DVC TT | Cấp dịch vụ | Cơ quan chủ trì xử lý | Cơ quan đồng xử lý |
|-----|---|------------|-------------|------------------------------------|--------------------|
| | Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | |
| 113 | Cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | |
| 114 | Gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài | 3 | Tỉnh | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | |
| 115 | Thỏa ước lao động tập thể | 3 | Tỉnh | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | |
| 116 | Đăng ký nội quy lao động | 3 | Tỉnh | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | |
| 117 | Khai báo thiết bị X-Quang chẩn đoán trong y tế | 3 | Tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| 118 | Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng máy X-Quang chẩn đoán trong y tế) | 3 | Tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| 119 | Cấp giấy chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-Quang chẩn đoán trong y tế) | 3 | Tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| 120 | Hỗ trợ kinh phí đăng ký nhãn hiệu | 3 | Tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| 121 | Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp hoạt động khoa học và công nghệ | 3 | Tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| 122 | Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (trong trường hợp mất giấy phép) | 3 | Tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| 123 | Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (trong trường hợp giấy phép bị rách, nát) | 3 | Tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| 124 | Cấp gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ | 3 | Tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| 125 | Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (trong trường hợp sửa đổi giấy phép) | 3 | Tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| 126 | Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (Áp dụng đối với người Việt Nam) | 3 | Tỉnh | Sở Y tế | |
| 127 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc bị thu hồi do Chứng chỉ hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền, chứng chỉ hành nghề có nội dung trái pháp luật | 3 | Tỉnh | Sở Y tế | |



| | Tên DVCTT | Mức DVC TT | Cấp dịch vụ | Cơ quan chủ trì xử lý | Cơ quan đồng xử lý |
|-----|--|------------|-------------|-----------------------------|--------------------|
| | Cấp chứng chỉ hành nghề được (áp dụng đối với người Việt Nam) | 3 | Tỉnh | Sở Y tế | |
| | Cấp đổi chứng chỉ hành nghề được: (áp dụng đối với người Việt Nam) | 3 | Tỉnh | Sở Y tế | |
| 130 | Gia hạn chứng chỉ hành nghề được: (áp dụng đối với người Việt Nam) | 3 | Tỉnh | Sở Y tế | |
| 131 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuộc đối với cơ sở bán buôn (áp dụng đối với người Việt Nam) | 3 | Tỉnh | Sở Y tế | |
| 132 | Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuộc đối với cơ sở bán buôn (áp dụng đối với người Việt Nam) | 3 | Tỉnh | Sở Y tế | |
| 133 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuộc đối với cơ sở bán buôn (áp dụng đối với người Việt Nam) | 3 | Tỉnh | Sở Y tế | |
| 134 | Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuộc đối với cơ sở bán buôn (áp dụng đối với người Việt Nam) | 3 | Tỉnh | Sở Y tế | |
| 135 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm có nguy cơ cao | 3 | Tỉnh | Sở Y tế | |
| 136 | Chuyên trường đối với học sinh trung học phổ thông | 3 | Tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| 137 | Cấp lại bằng tốt nghiệp trung học | 3 | Tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| 138 | Điều chỉnh, cải chính bằng tốt nghiệp | 3 | Tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| 139 | Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông | 3 | Tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| 140 | Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia | 3 | Tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| 141 | Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia | 3 | Tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| 142 | Công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia | 3 | Tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| 143 | Chuyên mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép (đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài) | 3 | Tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | |



| | Tên DVCTT | Mức DVC TT | Cấp dịch vụ | Cơ quan chủ trì xử lý | Cơ quan đồng xử lý |
|----------|--|------------|-------------|---------------------------------|--------------------|
| | Quy tắc đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép (đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài) | 3 | Tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 145 | Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất | 3 | Tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 146 | Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất | 3 | Tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 147 | Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt | 3 | Tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 148 | Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước | 3 | Tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 149 | Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất | 3 | Tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 150 | Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất | 3 | Tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 151 | Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước | 3 | Tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 152 | Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất | 3 | Tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 153 | Cấp giấy phép kinh doanh vũ trường | 3 | Tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | |
| 154 | Cấp giấy phép kinh doanh karaoke | 3 | Tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | |
| 155 | Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang | 3 | Tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | |
| 156 | Thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn | 3 | Tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | |
| 157 | Cấp giấy phép thực hiện tổ chức lễ hội (đối với lễ hội được tổ chức lần đầu; lễ hội được khôi phục lại sau nhiều năm gián đoạn; lễ hội đã được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi nội dung, thời gian địa điểm so với truyền thống; lễ hội có nguồn gốc nước ngoài do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức Việt Nam tổ chức) | 3 | Tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | |
| B | Cấp Huyện | | | | |
| 1 | Đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |



| | Tên DVCTT | Mức DVC TT | Cấp dịch vụ | Cơ quan chủ trì xử lý | Cơ quan đồng xử lý |
|----|--|------------|-------------|-----------------------|--------------------|
| | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| | Thông báo tạm ngừng kinh doanh đối với hộ kinh doanh cá thể | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 4 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp mất giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 5 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh trong trường hợp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bị rách, nát, cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 6 | Chấm dứt hoạt động kinh doanh đối với hộ kinh doanh | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 7 | Đăng ký hoạt động kinh doanh hợp tác xã | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 8 | Đăng ký thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh hợp tác xã do hợp nhất | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 9 | Đăng ký thay đổi nội dung kinh doanh hợp tác xã do thay đổi địa chỉ trụ sở chính | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 10 | Đăng ký thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh hợp tác xã do đổi tên hợp tác xã | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 11 | Đăng ký thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh hợp tác xã do thay đổi ngành nghề | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 12 | Đăng ký thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh hợp tác xã do thay đổi số lượng xã viên, người đại diện theo pháp luật, danh sách ban quản trị, ban kiểm soát hợp tác xã | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 13 | Đăng ký thay đổi nội dung kinh doanh hợp tác xã do thay đổi vốn điều lệ | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 14 | Đăng ký thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh hợp tác xã do chia tách hợp tác xã | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 15 | Đăng ký thay đổi nơi đăng ký kinh doanh của hợp tác xã | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 16 | Đăng ký thay đổi nội dung kinh doanh hợp tác xã do sửa đổi điều lệ | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 17 | Đăng ký hoạt động của chi nhánh/Văn phòng đại diện của hợp tác xã | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |



| | Tên DVCTT | Mức DVC TT | Cấp dịch vụ | Cơ quan chủ trì xử lý | Cơ quan đồng xử lý |
|----|--|------------|-------------|------------------------------------|--------------------|
| | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/Văn phòng đại diện hợp tác xã do bị mất, hư hỏng | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 19 | Cấp lại giấy chứng nhận kinh doanh hợp tác xã do bị mất, hư hỏng | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 20 | Thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh hợp tác xã | 3 | Huyện | Phòng TC-KH | |
| 21 | Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu đối với thương nhân kinh doanh | 3 | Huyện | Phòng KT-HT | |
| 22 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu đối với thương nhân kinh doanh | 3 | Huyện | Phòng KT-HT | |
| 23 | Cấp mới giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá | 3 | Huyện | Phòng KT-HT | |
| 24 | Cấp bổ sung, sửa đổi giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá | 3 | Huyện | Phòng KT-HT | |
| 25 | Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá | 3 | Huyện | Phòng KT-HT | |
| 26 | Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | 3 | Huyện | Phòng KT-HT | |
| 27 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguy cơ cao | 3 | Huyện | Phòng Y tế | |
| 28 | Cấp lại bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bổ túc trung học cơ sở | 3 | Huyện | Phòng GD&ĐT | |
| 29 | Điều chỉnh, cải chính bằng tốt nghiệp trung học cơ sở | 3 | Huyện | Phòng GD&ĐT | |
| 30 | Chuyên trường học sinh đi học các trường ngoài tỉnh cấp trung học cơ sở | 3 | Huyện | Phòng GD&ĐT | |
| 31 | Bổ sung hộ tịch | 3 | Huyện | Phòng Tư pháp | |
| 32 | Cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên | 3 | Huyện | Phòng Tư pháp | |
| 33 | Cấp lại bản chính giấy khai sinh | 3 | Huyện | Phòng Tư pháp | |
| 34 | Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch | 3 | Huyện | Phòng Tư pháp | |
| 35 | Xác định lại dân tộc | 3 | Huyện | Phòng Tư pháp | |
| 36 | Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình và nhà ở riêng lẻ trong đô thị | 3 | Huyện | Phòng KT-HT, Phòng QL Đô thị TP | |



| | Tên DVCTT | Mức DVC TT | Cấp dịch vụ | Cơ quan chủ trì xử lý | Cơ quan đồng xử lý |
|----------|---|------------|-------------|------------------------------------|--------------------|
| | Cấp giấy phép xây dựng tạm | 3 | Huyện | Phòng KT-HT, Phòng QL Đô thị TP | |
| | Điều chỉnh giấy phép xây dựng | 3 | Huyện | Phòng KT-HT, Phòng QL Đô thị TP | |
| 39 | Gia hạn giấy phép xây dựng | 3 | Huyện | Phòng KT-HT, Phòng QL Đô thị TP | |
| 40 | Cung cấp thông tin quy hoạch | 3 | Huyện | Phòng KT-HT, Phòng QL Đô thị TP | |
| 41 | Cấp Giấy phép quy hoạch | 3 | Huyện | Phòng KT-HT, Phòng QL Đô thị TP | |
| 42 | Cấp lại và sửa sai thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội | 3 | Huyện | Phòng LĐ, TB&XH | |
| C | Cấp Xã | | | | |
| 1 | Đăng ký kết hôn | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 2 | Xác nhận tình trạng hôn nhân | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 3 | Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 4 | Bổ sung hộ tịch cho mọi trường hợp không phân biệt độ tuổi | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 5 | Đăng ký khai sinh | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 6 | Đăng ký lại việc sinh | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 7 | Đăng ký khai tử | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 8 | Đăng ký lại việc tử | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 9 | Đăng ký lại việc kết hôn | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 10 | Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 11 | Đăng ký thành lập đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 12 | Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 13 | Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 14 | Cấp giấy phép xây dựng nhà ở nông thôn | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 15 | Gia hạn giấy phép xây dựng nhà ở nông thôn | 3 | Xã | UBND phường, xã | |



| | Tên DVCTT | Mức DVC TT | Cấp dịch vụ | Cơ quan chủ trì xử lý | Cơ quan đồng xử lý |
|----|--|------------|-------------|-----------------------|--------------------|
| | Điều chỉnh giấy phép xây dựng nhà ở nông thôn | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| | Cấp giấy phép xây dựng tạm đã có quy hoạch được duyệt | 3 | Xã | UBND phường, xã | |
| 18 | Đăng ký tạm trú | 3 | Xã | Công an phường/xã | |
| 19 | Đăng ký lưu trú | 3 | Xã | Công an phường/xã | |
| 20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguy cơ cao | 3 | Xã | UBND phường, xã | |